TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14-6-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh.

Bà Nguyễn Kim Lên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thuý Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2024/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1986 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Ngô Thị T và quá trình tố tụng tại Toà án chị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn vào năm 2008, không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, lối sống, thiếu niềm tin đối với nhau và không giải quyết được nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung của chị và anh N có hai người tên Ngô Thị Phương T1, sinh ngày 16/5/2013 và Ngô Minh K, sinh ngày 18/9/2016 đang ở với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi hai người con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị vắng mặt.

Ý kiến anh Nguyễn Văn N: Thời điểm anh và chị T kết hôn vào năm 2008 là đúng, không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do bất hoà và không tin tưởng nhau, anh vẫn mong muốn hàn gắn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung của anh và chị T có hai người như chị T trình bày, trường hợp Toà án giải quyết cho anh và chị T ly hôn thì anh thống nhất để hai người con cho chị T nuôi.

Về tài sản anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hai người con chung của chị T và anh N đều có nguyện vọng ở với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Ngô Thị T được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Ngô Thị T có yêu cầu vắng mặt, anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh N.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn N được xác lập vào năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo về trình tự thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực tại thời điểm xác lập, nay xảy ra

tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Do hôn nhân giữa chị T và anh N không đăng ký kết hôn, căn cứ Điều 53 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị T và anh N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị T và anh N có hai người con chung hiện đang ở cùng chị T, phía anh N thống nhất để con cho chị T nuôi con nếu Tòa án giải quyết ly hôn. Như vậy, các đương sự đã thỏa thuận được việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của luật và đạo đức xã hội. Để không làm xáo trộn môi trường sống của con, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao hai người con cho chị T nuôi theo nguyện vọng của các con. Phần cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Đương sự không có yêu cầu về phần tài sản nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Ngô Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí chị T đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản

5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Không công nhận chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Chị Ngô Thị T nuôi con tên Ngô Thị Phương T1, sinh ngày 16/5/2013 và Ngô Minh K, sinh ngày 18/9/2016 đang ở với chị T, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị T.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004765 ngày 29/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải